

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023
của Văn phòng Cục Địa chất Việt Nam**

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐCVN ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Cục Địa chất Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 01 năm 2023 (lần 2) của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho Văn phòng Cục Địa chất Việt Nam;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Văn phòng Cục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Văn phòng Cục Địa chất Việt Nam (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng, Văn phòng Cục, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục ĐCVN (đề b/c);
- Lưu VP, KHTC, B (13).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đỗ Đức Thắng

Đơn vị: Văn phòng

Chương: 026

CÔNG KHAI GIAO, DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Văn phòng Cục Địa chất Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VP ngày tháng năm 2023)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	9.937
	Biên chế được duyệt (54)	
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.882
1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	7.584
2	Chi thường xuyên theo định mức	2.298
I.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	55
1	Hoạt động của văn phòng CCOP	55
II	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	3.250
II.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
II.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	3.250
1	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	
2	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	1.500
2.1	CS.2023.01. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hoàn thiện quy định về quản lý, cập nhật và khai thác thông tin, dữ liệu địa chất	300
2.2	CS.2023.02. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn quy định tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất, các điều kiện địa chất khác và khu vực nhạy cảm địa chất	300
2.3	CS.2023.03. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, chế độ đãi ngộ đối với các viên chức, người lao động ngành địa chất, khoáng sản	300
2.4	CS.2023.04. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng nội dung bảo vệ di sản địa chất và công viên địa chất	300

2.5	CS.2023.05. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn quy định về nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, đánh giá tài nguyên khoáng sản	300
3	Hoạt động KHCN khác	1.750
3.1	Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia (TCVN)	1.450
3.1.1	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 20: Phương pháp địa chấn thẳng đứng (VSP)	70
3.1.2	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Địa vật lý lỗ khoan – Phần 21: Phương pháp xác định ranh giới lớp theo các phương pháp điện từ.	80
3.1.3	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 22: Phương pháp xác định ranh giới lớp theo các phương pháp phóng xạ.	80
3.1.4	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 23: Phương pháp xây dựng thiết đồ địa vật lý	70
3.1.5	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 24: Phương pháp điện từ tần số cao	70
3.1.6	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 25: Phương pháp kích hoạt phóng xạ	70
3.1.7	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 26: Phương pháp xác định hàm lượng phóng xạ (K, U, Th) theo phổ gamma	70
3.1.8	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Phần 1: Phương pháp đo từ biến theo tàu.	80
3.1.9	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phần 2 - Phương pháp đo và hiệu chỉnh biến thiên từ biến.	80
3.1.10	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Phần 3 – Phương pháp lập bản đồ dị thường từ biến.	80
3.1.11	Đất, đá quặng đồng - Phần 1: Xác định hàm lượng sắt tổng (TFe) - Phương pháp chuẩn độ bicromat.	70
3.1.12	Đất, đá quặng đồng - Phần 2: Xác định lưu huỳnh (S) - Phương pháp khối lượng.	70
3.1.13	Đất, đá quặng đồng - Phần 3: Xác định hàm lượng titan (TiO ₂) - Phương pháp đo quang.	70
3.1.14	Đất, đá quặng đồng - Phần 4: Xác định hàm lượng silic (SiO ₂) - Phương pháp khối lượng.	70

3.1.15	Đất, đá quặng đồng - Phần 5: Xác định hàm lượng canxi (CaO) - Phương pháp chuẩn độ complexon.	70
3.1.16	Đất, đá quặng đồng - Phần 6: Xác định hàm lượng magie (MgO) - Phương pháp chuẩn độ complexon.	70
3.1.17	Đất, đá quặng antimon - Phần 1: Xác định hàm lượng antimon (Sb) - Phương pháp oxi hóa khử với chất chuẩn là kali bromat.	70
3.1.18	Đất, đá quặng antimon - Phần 2: Xác định lưu huỳnh (S) - Phương pháp khối lượng.	70
3.1.19	Đất, đá quặng antimon - Phần 3: Xác định hàm lượng Asen (As) - Phương pháp oxi hóa khử với chất chuẩn là kali bromat.	70
3.1.20	Đất, đá quặng antimon - Phần 4: Xác định hàm lượng chì (Pb) - Phương pháp hấp thụ nguyên tử.	70
3.2	Xây dựng mới, duy trì áp dụng hệ thống ISO 9001:2015	100
3.3	Kinh phí hoạt động của các tiểu ban KHCN: ASEAN - COST, Un-GGIM và UNESCO, Hợp tác quốc tế	200
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	247
1	Vốn trong nước	247
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	247
a	Nhiệm vụ đặc thù	50
-	<i>Thành lập in báo cáo thường niên địa chất</i>	50
b	Định mức kinh tế kỹ thuật	197
-	<i>Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật công tác khai đào công trình và lấy mẫu tại các công trình khai đào trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản</i>	197
	TỔNG CỘNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III)	13.434